**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN NGHI XUÂN**
**TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25/4/2017
*"V/v: Kiện ly hôn"*

**NHÂN DANH**
**N ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH**
**Với T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - chủ toạ phiên toà, ông:** Lương Sỹ Nam
**Các hội thẩm nhân dân:**
1. Ông: Nguyễn Trọng Kiêm
2. Bà: Trần Thị Thanh Tâm

**Th- ký Toà án ghi biên bản phiên toà, bà: Nguyễn Thị Hương Giang** - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 4 năm 2017 tại hội trường xét xử của Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2016/TLST - HNGĐ ngày 6 tháng 12 năm 2016 về tranh chấp "Kiện ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2017/QĐXX-ST ngày 07/4/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn, anh: Nguyễn Tất T, sinh ngày 10/5/1985(có mặt)
Trú tại: Tổ dân phố 7, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.
2. Bị đơn chị: Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/8/1987 (có mặt)
Trú tại: Thôn A, xã X, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh.

**NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:**

Trong đơn xin ly hôn ngày 24 tháng 6 năm 2016 nguyên đơn là anh Nguyễn Tất T trình bày như sau: Giữa nguyên đơn và bị đơn, chị Nguyễn Thị Hồng N đăng ký kết hôn ngày 13/12/2007, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc, hôn lễ được tổ chức theo truyền thống địa phương và tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Sau khi tổ chức lễ cưới anh T và chị N về sống với nhau hạnh phúc đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn, đến thời điểm anh T làm đơn ra Toà xin ly hôn với chị N thì hai người đã sống ly thân với nhau. Theo anh T trong cuộc sống giữa anh và chị N có nhiều quan điểm sống khác nhau. Sự việc của anh chị đã được gia đình nội

ngoại hoà giải nhưng không đi đến kết quả gì. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn, anh T yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh T trình bày anh và chị N có một con chung là Nguyễn Linh G, sinh ngày 22/4/2010 hiện đang sống với chị N, nguyện vong của anh T là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Linh G và không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai vợ chồng không nợ ai và ngược lại.

Trong bản tự khai và buổi hòa giải ngày 03/01/2017 chị N trình bày: Giữa chị N và anh T kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc, ngày tháng đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn của vợ chồng anh T khai như vậy là hoàn toàn chính xác, về tình cảm chị N không muốn ly hôn và xin được đoàn tụ, về con chung chị N có ý kiến chị N khẳng định chị và anh T có một con chung là Nguyễn Linh G, sinh ngày 22/4/2010 hiện đang sống với chị N, nếu như ly hôn nguyện vong của chị N là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Linh G và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị N khai: Hai vợ chồng có một thửa đất ở gần Quốc lộ 8B thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh, trị giá thửa đất là 250.000.000đ, và một thửa đất tại thành phố Hồ Chí Minh trị giá 1.100.000.000đ (địa chỉ cụ thể diện tích chưa biết), nếu ly hôn nguyện vọng của chị N là chia 1/3 số tài sản trên cho con gái là Nguyễn Linh G.

Về nợ chung: Chị N khai hai vợ chồng không nợ ai và không cho ai nợ.

Tại buổi hòa giải ngày 03/01/2017 Tòa án đã giao trách nhiệm cho chị N cung cấp các chứng cứ chứng minh về hai thửa đất tại thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh và tại thành phố Hồ Chí Minh. Nhưng từ ngày 03/1/2017 đến phiên tòa sơ thẩm hôm nay chị N không cung cấp được các chứng cứ đó.

Theo quy định của pháp luật, Toà án đã Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo và ấn định thời gian hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về các nội dung của vụ án, nhưng tại buổi hoà giải các đương sự không thống nhất được các nội dung của vụ án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn Hội đồng xét xử nhận định:

Việc anh T làm đơn xin được ly hôn với chị N là thuộc quyền của công dân được pháp luật quy định, anh T đã cung cấp đầy đủ các tài liệu liên quan đến việc khởi kiện của mình theo đúng quy định pháp luật, đơn khởi kiện của anh T có hình thức và nội dung đầy đủ theo quy định tại Điều 189 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi đương sự cung cấp đầy đủ các chứng cứ liên quan thấy rằng nội dung khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Nghi Xuân được quy định tại Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Trong đơn khởi kiện anh T trình bày anh và chị N đến với nhau hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, hôn lễ được tổ chức đúng phong tục tập quán địa phương, hai người cũng đã có quãng thời gian chung sống hạnh phúc với nhau nhưng  do cách sống khác nhau, không có sự bình đẳng trong cuộc sống nên hai người đã xẩy ra mâu thuẫn, mâu thuẫn hai người trở nên trầm trọng vào đầu năm 2008 cho đến nay.

Nguyên nhân dẫn đến việc anh T làm đơn xin ly hôn là hai người có quan điểm sống khác nhau, không có sự bình đẳng trong cuộc sống. Khi sự việc đó xẩy ra gia đình anh em nội ngoại đã hoà giải cũng như khuyên bảo nh- ng không có kết quả, trong các buổi hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay anh T và chị N không thống nhất được với nhau về mặt tình cảm, HĐXX thấy rằng anh T và chị N sống ly thân với nhau đã lâu, giữa hai người không còn tình cảm, nếu sống với nhau chỉ là hình thức không có hạnh phúc thực sự, hôn nhân không thể đạt được, nên hạnh phúc không thể kéo dài vì vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của anh Thanh điều đó phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

* Về con chung: Anh T và chị N đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Linh G, sinh ngày 22/4/2010, anh T có ý kiến nếu con ở với anh T, anh T sẽ không yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡngnuôi con, nếu con ở với chị N anh T sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N mỗi tháng một triệu đồng, mỗi tháng đóng một lần. Chị N có ý kiến thống nhất nếu con ở với chị N, anh T sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N mỗi tháng một triệu đồng, nhưng phải đóng một lần, từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến mười tám tuổi. HĐXX thấy rằng cháu G còn nhỏ mới hơn bảy tuổi, từ khi sinh ra cho đến giờ sống với mẹ, cháu là con gái việc ở với mẹ sẽ tốt hơn cho sự phát triển và học hành của cháu nên giao cháu G cho chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn hợp lý và có cơ sở. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị N là anh T sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N mỗi tháng một triệu đồng. Chị N yêu cầu anh T đóng một lần tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến mười tám tuổi, HĐXX thấy rằng hiện tại anh T không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, chị N không chứng minh được thu nhập của anh T nên HĐXX không

chấp nhận ý kiến của chị N là yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N một lần.

* Về tài sản chung: HĐXX thấy rằng chị N khai có hai thửa đất một thửa tại thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh và một thửa tại thành phố Hồ Chí Minh, nh- ng không biết rõ địa chỉ và diện tích đồng thời không cung cấp được các tài liệu chứng minh quyền sở hữu hợp pháp của vợ chồng nên HĐXX không xem xét.

* Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng định kỳ theo quyết định của Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng: Điều 28 BLTTDS; Điều 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Nguyễn Tất T được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về con chung: Áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và 119 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao cháu Nguyễn Linh G, sinh ngày 22/4/2010 cho chị Nguyễn Thị Hồng N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (18) tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị N mỗi tháng 1.000.000đ, mỗi tháng đóng một lần kể từ ngày 25/5/2017. Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Áp dụng: khoản 4 Điều 147, điều 150 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm b khoản 1 Điều 3, Điều 5, điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 8,10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc hội số 10/2009/PL-UBTVQH ngày 27/2/2009. Buộc anh Nguyễn Tất T phải nộp 200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, anh T đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000314 ngày 06 tháng 12 năm 2016 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, ngoài ra anh T phải đóng 200.000đ tiền án phí cấp dưỡngđịnh kỳ theo quyết định của Tòa án.

Anh T, chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán**
(Đã ký, đóng dấu)

**Lương Sỹ Nam**

**Nơi nhận:**
- Tòa án tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- CCTHADS huyện Nghi Xuân;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu HS, VP.